

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu
tỉnh Bến Tre giai đoạn năm 2021 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ chính
trị Khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa XI về chủ động
ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Chính
phủ phê duyệt Thỏa thuận Paris thực hiện Công ước khung Liên hợp quốc về
biến đổi khí hậu;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính
phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-
NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về chủ động ứng phó
biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết
luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ chính trị;*

*Căn cứ Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu;*

*Căn cứ Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ
tướng Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí
hậu;*

*Căn cứ Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Ủy
ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch thực hiện
Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021- 2025, định
hướng đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
1299/TTr-STNMT ngày 27 tháng 4 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Thỏa
thuận Paris về biến đổi khí hậu tỉnh Bến Tre giai đoạn năm 2021 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Ủy ban Quốc gia về BĐKH;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ;
- Cục Biến đổi khí hậu;
- TT TU, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Phòng: TH, KT, TCĐT, NgV; Công TTĐT;
- Lưu VT.

(báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Cảnh

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu
tỉnh Bến Tre giai đoạn năm 2021 - 2030**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

Năm 2016, Chính phủ phê duyệt Thỏa thuận Paris thực hiện Công ước khung Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, ban hành kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu (Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016). Năm 2020 thì NDC (Đóng góp quốc gia tự quyết) cập nhật của Việt Nam cho Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu được Chính phủ thông qua tại Văn bản số 1982/VPCP-QHQT ngày 24 tháng 7 năm 2020, đó là những bước ngoặt quan trọng và khẳng định đóng góp của Việt Nam cùng các quốc gia trên Thế giới thực hiện cam kết trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tỉnh Bến Tre cụ thể các nhiệm vụ bắt buộc, ưu tiên thực hiện theo nhiệm vụ của Chính phủ, phù hợp với điều kiện, nguồn lực và định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, góp phần thực hiện cam kết đóng góp của Việt Nam khi tham gia Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Đồng thời, việc xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris là cơ hội để tỉnh Bến Tre xúc tiến hợp tác vùng, quốc tế để phát triển các dự án, công nghệ sản xuất sạch, tăng trưởng xanh, tăng cường bảo vệ phát triển các vùng đất ngập nước, rừng ven biển hiện có của tỉnh nhằm giảm, hấp thụ khí nhà kính và thích ứng biến đổi khí hậu. Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu tỉnh Bến Tre giai đoạn năm 2021 - 2030 (gọi tắt là Kế hoạch) cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1 Mục tiêu chung

Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp đến năm 2030 để hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, góp phần thực hiện NDC cập nhật của Việt Nam cho Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu.

2 Mục tiêu cụ thể

- Thực hiện 100% các nhiệm vụ bắt buộc; trên 50% các nhiệm vụ ưu tiên thực hiện về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với các lĩnh vực năng lượng; nông nghiệp; chất thải; sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp, các quá trình công nghiệp.

- Thực hiện 100% các nhiệm vụ bắt buộc và trên 70% các nhiệm vụ ưu tiên thực hiện về thích ứng biến đổi khí hậu.

II. NHIỆM VỤ, NỘI DUNG THỰC HIỆN

Một số nội dung về thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu của Kế hoạch này được tích hợp, lồng ghép trong Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Bến Tre giai đoạn năm 2021 - 2030 để đồng bộ, tận dụng nguồn lực triển khai thực hiện Kế hoạch. Các nhiệm vụ, nội dung Kế hoạch này sẽ cụ thể, phù hợp theo nhiệm vụ của Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) cập nhật của Việt Nam (Công văn số 489/BTNMT-BĐKH ngày 08 tháng 9 năm 2020), cụ thể các nhiệm vụ, nội dung thực hiện chính:

1 Giảm nhẹ biến đổi khí hậu

- Đánh giá về phát thải và giảm phát thải khí nhà kính Bến Tre; xây dựng, chuẩn bị dữ liệu tỉnh Bến Tre để phối hợp, cung cấp số liệu cho Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính quốc gia 02 năm/lần.

- Lĩnh vực Năng lượng:

- + Thực hiện các giải pháp xúc tiến, đầu tư, chuyển đổi trang thiết bị, máy móc, dây chuyền sản xuất tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, trong đó ưu tiên công nghệ chế biến, bảo quản nông sản chủ lực của tỉnh.

- + Nâng cấp hạ tầng, phát triển mạng lưới xe buýt công cộng tạo điều kiện góp phần chuyển đổi từ phương tiện cá nhân sang phương tiện công cộng.

- + Phát triển năng lượng tái tạo phù hợp với tiềm năng, lợi thế và điều kiện Bến Tre như: năng lượng điện gió khu vực ven biển; khuyến khích phát triển sử dụng năng lượng mặt trời ở hộ gia đình, trường học, công ty doanh nghiệp, khối cơ quan nhà nước và chiếu sáng công cộng ở đô thị, nông thôn; phổ biến, phát triển các mô hình nhà ở thân thiện với môi trường.

- Lĩnh vực Nông nghiệp:

- + Duy trì và nhân rộng các mô hình, sản phẩm của dự án Nông nghiệp Carbon thấp tỉnh Bến Tre.

- + Phát triển công trình khí sinh học trong chăn nuôi; các mô hình mới tái sử dụng chất thải trong nông nghiệp.

- + Mở rộng diện tích vườn Dừa hữu cơ; phát triển các vùng sản xuất hữu cơ mới.

- Lĩnh vực thay đổi mục đích sử dụng đất và lâm nghiệp

- + Bảo vệ, bảo tồn và sử dụng bền vững rừng và đất lâm nghiệp để tăng lượng hấp thụ các-bon và chứng chỉ rừng; Trồng rừng, phục hồi và phát triển rừng ven biển. Tỷ lệ che phủ rừng đạt từ 1,98% diện tích tự nhiên của tỉnh. Bảo vệ các vùng đất ngập nước quan trọng của tỉnh như rừng ngập mặn ven biển, khu vực các cửa sông, hồ chứa nước ngọt, Khu bảo tồn Sân Chim Vàm hồ mở rộng về phía cửa sông Ba Lai.

+ Phát triển các mô hình nông lâm kết hợp để nâng cao trữ lượng các-bon, bảo tồn đất.

- Lĩnh vực chất thải

+ Thực hiện mô hình phân loại, thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt gắn với nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; phát triển và áp dụng công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn đặc thù nhằm hạn chế phát thải khí nhà kính.

+ Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải đô thị thành phố Bến Tre, khu vực bờ Bắc sông Bến Tre; và các đô thị mới như Châu Thành, Mỏ Cày Nam, Ba Tri, Bình Đại.

+ Kiểm soát các nguồn xả thải từ hoạt động sản xuất công nghiệp (lò hơi các nhà máy, lò đốt rác thải, sản xuất than thiêu kết,...), đảm bảo xử lý khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, theo dõi quan trắc tự động các nguồn xả khí thải lớn.

- Quá trình công nghiệp: Đánh giá hiện trạng và đề xuất, thực hiện các giải pháp giảm tiêu thụ các chất HFCs trong quá trình sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2 Thích ứng biến đổi khí hậu

- Hiện đại hóa hệ thống quan trắc và dự báo khí tượng thủy văn đảm bảo dự báo, cảnh báo sớm các hiện tượng thủy văn (triều cường, xâm nhập mặn). Duy trì, vận hành hệ thống quan trắc, dự báo độ mặn và giám sát chất lượng nước tự động 20 trạm quan trắc tự động, tích hợp vào mạng lưới quan trắc môi trường toàn tỉnh; Phát triển, hiện đại hóa hệ thống khí tượng thủy văn tỉnh Bến Tre; cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Triển khai các giải pháp thích ứng, trong đó có giải pháp thích ứng dựa vào hệ sinh thái (EBA) và các giải pháp dựa vào tự nhiên (NBS) nhằm giảm thiểu thiệt hại do các tác động liên quan đến những thay đổi của khí hậu: Đánh giá hiện trạng và đề xuất nhiệm vụ bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 - 2030 định hướng đến năm 2050; Thành lập thí điểm Khu bảo tồn đa dạng sinh học phục vụ phát triển bền vững du lịch sinh thái và Trung tâm tri thức về phát triển du lịch sinh thái tại Đồng bằng sông Mê Công; Phát triển mô hình canh tác, sinh kế cộng đồng dựa vào rừng, mô hình canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu đã thực hiện hiệu quả của giai đoạn 2016 - 2020.

- Củng cố, xây dựng các công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách; phát triển hệ thống rừng phòng hộ, rừng chắn sóng ven biển ưu tiên trồng rừng phủ kín đất chân đê biển, đê sông; phát triển mô hình cộng đồng ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu. Xây dựng bản đồ hiện trạng và nguy cơ triều cường sạt lở ven sông, bờ biển tỉnh. Thực hiện kế hoạch phòng chống hạn mặn tỉnh Bến Tre năm 2021 - 2025. Quy hoạch và phát triển cơ sở hạ tầng, bố trí sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của thiên tai.

- Quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông; bảo đảm an toàn hồ chứa: Lập danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ tỉnh Bến Tre; Vận hành các hồ chứa nước ngọt, các cống ngăn mặn trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Đánh giá hiện trạng và đề xuất quản lý tổng hợp môi trường hồ chứa nước ngọt sông Ba Lai tỉnh Bến Tre trong điều kiện biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn.

- Đảm bảo an ninh lương thực thông qua bảo vệ, duy trì hợp lý và quản lý bền vững quỹ đất cho nông nghiệp: Nghiên cứu, điều chỉnh, xác định cơ cấu cây trồng, mùa vụ thích ứng biến đổi khí hậu, phù hợp với từng vùng sinh thái mặn, lợ, ngọt; Tăng cường các hoạt động kiểm soát dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, cải tiến các dịch vụ thú y để phát triển chăn nuôi bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Thực hiện mô hình an sinh xã hội, giảm nghèo thích ứng với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn.

- củng cố và xây mới các công trình cấp, thoát nước đô thị lớn của tỉnh: Thực hiện hoàn thành Tiểu dự án thành phố Bến Tre thuộc dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam thích ứng biến đổi khí hậu, nước biển dâng; nâng cấp và hoàn thiện các tuyến đê biển, đê sông xung yếu; kiểm soát xâm nhập mặn.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Truyền thông, nâng cao nhận thức

Thực hiện thường xuyên, lồng ghép nội dung thực hiện Thỏa thuận Paris, NDC cập nhật của Việt Nam phổ biến đến nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các em học sinh bằng nhiều hình thức phù hợp như bản tin truyền hình, báo, bản tin tài nguyên môi trường, các lớp sinh hoạt, tập huấn, chương trình đào tạo chính trị cho cán bộ các cấp.

2. Phát triển nguồn lực con người

- Lồng ghép phát triển nhân lực về biến đổi khí hậu vào Chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực cho tỉnh từ năm 2021.

- Đảm bảo các đầu mối về biến đổi khí hậu của tỉnh được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng và các Hội nghị, tập huấn về biến đổi khí hậu do Trung ương, các tổ chức quốc tế, Trường, Viện tổ chức.

3. Cải thiện nguồn lực tài chính

Tài chính thực hiện Kế hoạch bao gồm:

- Nguồn ngân sách nhà nước (chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển) theo phân cấp hiện hành, quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

- Lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án khác.

- Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

- Xây dựng danh mục dự án, chương trình hợp tác thực hiện Thỏa thuận

Paris về biến đổi khí hậu đề xuất đến Quỹ Khí hậu xanh (GCF); Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF); Lãnh sự quán các nước,... để tìm nguồn tài trợ, hợp tác thực hiện cam kết của các bên khi tham gia Thỏa thuận Paris.

- Xây dựng đơn giá xử lý rác thải, nước thải tỉnh Bến Tre để xã hội hóa, huy động nguồn lực đầu tư tư nhân.

4. Xây dựng nguồn lực khoa học công nghệ

- Đánh giá hiện và đề xuất phát triển công nghệ thích ứng, giảm phát thải khí nhà kính; Xây dựng Chương trình phát triển khoa học công nghệ ứng phó biến đổi khí hậu, tài nguyên môi trường Bến Tre.

- Đánh giá sức chịu tải của hệ thống thủy lợi tỉnh Bến Tre trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn làm cơ sở thực hiện các giải pháp nâng cấp, củng cố các công trình đê bao, cống đập ngăn mặn của tỉnh.

- Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng tham gia thị trường, tín chỉ carbon của tỉnh Bến Tre tận dụng cơ hội từ Thỏa thuận Paris mang lại.

5. Cơ chế, chính sách

- Tiếp tục triển khai lồng ghép vấn đề biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh vào các kế hoạch, quy hoạch, chương trình, đề án ưu tiên đầu tư phát triển của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030.

- Hoàn thiện và duy trì tổ chức bộ máy ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Bến Tre gồm bộ phận chuyên môn cấp tỉnh, huyện; Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh nhằm đảm bảo các cơ quan, đơn vị đều có đầu mối xử lý các vấn đề về biến đổi khí hậu.

- Rà soát, đề xuất các chính sách thu hút, khuyến khích khởi nghiệp đầu tư nghiên cứu, hợp tác chuyển giao; ứng dụng công nghệ sạch, thích ứng biến đổi khí hậu.

6. Hợp tác vùng, quốc tế

- Đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ liên kết vùng được xác định trong Kế hoạch số 1330/KH-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ.

- Xây dựng và triển khai Chương hợp duy trì và phát triển hợp tác quốc tế trong ứng phó biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 - 2030. Trong đó, quan tâm duy trì quan hệ hợp tác hữu nghị với các đối tác quốc tế của tỉnh trong thời gian qua.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1 Giám sát tiến độ triển khai và thực hiện Kế hoạch

- Cấp tỉnh: Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giám sát, đánh giá việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ cấp địa phương, các sở ban, ngành; tổng hợp tình hình thực hiện để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có báo cáo gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban quốc

gia về biến đổi khí hậu trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Cấp huyện: Phòng Tài nguyên môi trường chịu trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện giám sát, đánh giá việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ cấp địa phương và cấp cộng đồng trên địa bàn; tổng hợp tình hình thực hiện gửi Sở tài nguyên và Môi trường **trước ngày 15/11 hằng năm** để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân tỉnh.

2. Đánh giá thực hiện Kế hoạch

- Đánh giá thực hiện Kế hoạch lần đầu sau 05 năm thực hiện để cập nhật, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp giai đoạn 2026 - 2030. Tổng kết 10 năm triển khai Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu tỉnh Bến Tre.

- Chỉ tiêu đánh giá của Kế hoạch được lồng ghép thực hiện đánh giá cùng với Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 - 2030. Trong đó các chỉ tiêu chung của Kế hoạch:

- + Đạt 100% nhiệm vụ bắt buộc thực hiện.
- + Đạt 50 % các nhiệm vụ khuyến khích giảm khí nhà kính; 70% nhiệm vụ thích ứng biến đổi khí hậu.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo và kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo Biến đổi khí hậu tỉnh các biện pháp cần thiết để đảm bảo thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổ chức giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch; kịp thời báo cáo và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo Biến đổi khí hậu tỉnh những giải pháp để giải quyết những bất cập, vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện ở tỉnh và địa phương, bảo đảm việc triển khai Kế hoạch đúng tiến độ, mang lại hiệu quả thiết thực.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án được phân công của Kế hoạch.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì tham mưu phân bổ vốn ngân sách nhà nước đầu tư các công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách; tiếp tục kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư vào các lĩnh vực góp phần ứng phó biến đổi khí hậu như năng lượng tái tạo, nông nghiệp, xử lý chất thải

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư hợp tác thực hiện Thỏa thuận Paris tăng trưởng xanh tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 - 2025, tham mưu xây dựng chương trình xúc tiến kêu gọi hợp tác ứng phó biến đổi khí hậu; đề xuất dự án để trình cấp có thẩm quyền theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật

Đầu tư công.

- Phối hợp với sở, ngành và địa phương rà soát các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch, tính liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển của tỉnh từ năm 2021.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành liên quan xúc tiến các chương trình, dự án hợp tác ODA, tài trợ Phi chính phủ.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án, hoạt động được phân công của Kế hoạch.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành, địa phương cân đối bố trí kinh phí chi thường xuyên hằng năm, vốn đầu tư từ Trung ương, Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ, dự án, hoạt động của Kế hoạch.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công của Kế hoạch.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bến Tre

Có trách nhiệm bố trí kinh phí và đề xuất thực hiện các dự án, nhiệm vụ, hoạt động của Kế hoạch được giao cho địa phương thực hiện từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định; lồng ghép nhiệm vụ thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu vào Kế hoạch ứng phó biến đổi khí hậu cấp huyện, thành phố hàng năm, hoặc 05 năm.

5. Các Sở, ban ngành

- Chủ động triển khai các nội dung công việc được phân công trong bảng Phụ lục danh mục nhiệm vụ, dự án thực hiện Thỏa thuận Paris kèm theo; tập trung huy động và bố trí nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu; Rà soát các kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực để lồng ghép với các nội dung của Kế hoạch, đảm bảo tính liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch phát triển.

- Vận động, thu hút sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và cộng đồng; tạo điều kiện cho các tổ chức tài chính, các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư, hỗ trợ thực hiện Kế hoạch.

- Thực hiện thường xuyên công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu, cam kết NDC trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung công việc được phân công.

Kèm theo: Phụ lục Danh mục các nhiệm vụ, dự án, hoạt động thực hiện Kế hoạch Paris tỉnh Bến Tre về biến đổi khí hậu giai đoạn năm 2021 - 2030.

Căn cứ Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu tỉnh Bến Tre giai đoạn năm 2021 - 2030, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được giao các nhiệm vụ chủ động triển khai thực hiện; xây dựng nội dung chi tiết, dự toán kinh phí từng nhiệm vụ theo quy định của pháp

luật hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở xác định và bố trí kinh phí theo quy định. Các nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ thường xuyên của các sở, ngành, địa phương cần được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hằng năm để triển khai thực hiện./.

Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN, HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN THỎA THUẬN PARIS VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
TỈNH BẾN TRE GIAI ĐOẠN NĂM 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

TT	Nhiệm vụ thuộc Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016	Loại nhiệm vụ	Cụ thể nhiệm vụ, dự án, hoạt động phù hợp của tỉnh Bến Tre	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
I GIẢM NHỆ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH								
1.1	Thực hiện kiểm kê khí nhà kính phục vụ xây dựng báo cáo quốc gia theo quy định của Thỏa thuận Paris	Bắt buộc (theo quy định thỏa thuận Paris)	Đánh giá phát thải, giảm phát khí nhà kính và Xây dựng bộ số liệu tỉnh Bến Tre phục vụ kiểm kê khí nhà kính quốc gia	Sở TN&MT	Các sở, ngành, UBND các huyện	2022, 2024, 2026, 2028, 2030	Cập nhật số liệu 02 năm/lần	Cập nhật số liệu 02 năm/lần
1.2	Thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành công nghiệp nhằm thực hiện NDC phù hợp với điều kiện quốc gia	Bắt buộc (theo quy định thỏa thuận Paris)	Đánh giá hiện trạng; đề xuất thực hiện các giải pháp giảm tiêu thụ HFCs trong quá trình công nghiệp	Sở Công thương	UBND các huyện; Ban Quản lý Khu công nghiệp	Năm 2023	Thực hiện các giải pháp	Thực hiện các giải pháp
			Kiểm soát các nguồn xả thải từ hoạt động sản xuất công nghiệp (lò hơi các nhà máy, lò đốt rác thải, sản xuất than thiêu kết,...), đảm bảo xử lý khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, theo dõi quan trắc tự động các nguồn xả khí thải lớn	Sở TN&MT	Các sở, ngành, UBND các huyện và các doanh nghiệp có xả khí thải	Thường xuyên	Hoàn thành lắp đặt kiểm soát tự động các doanh nghiệp xả khí thải lượng lớn;	Không còn doanh nghiệp xả khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, gây ô nhiễm môi trường
1.3	Thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà	Bắt buộc (theo quy	- Phát triển hạ tầng, mạng lưới giao thông công cộng,	Sở GTVT	UBND các huyện, thành	Hàng năm	- Nâng cấp, cải thiện hạ	Tiếp tục

TT	Nhiệm vụ thuộc Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016	Loại nhiệm vụ	Cụ thể nhiệm vụ, dự án, hoạt động phù hợp của tỉnh Bến Tre	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
	kính ngành giao thông vận tải nhằm thực hiện NDC phù hợp với điều kiện quốc gia	định thỏa thuận Paris)	xe buýt công cộng; - Không cho lưu thông các phương tiện giao thông cũ không đảm bảo an toàn theo quy định; hạn chế lưu thông phương tiện xả khí thải không đạt chuẩn theo quy định		phố		tầng, mạng lưới buýt công cộng; - Tăng cường công tác kiểm tra phương tiện giao thông	thực hiện
1.4	Thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn nhằm thực hiện NDC phù hợp với điều kiện quốc gia	Bắt buộc (theo quy định thỏa thuận Paris)	Nhân rộng các mô hình, chuyển giao công nghệ; duy trì, nhân rộng kết quả dự án Nông nghiệp Carbon thấp tỉnh Bến Tre giai đoạn 2013 - 2020	Sở NN&PTNT	UBND các thành phố	Hàng năm	Thực hiện nhân rộng; đánh giá hiệu quả	Tiếp tục nhân rộng
			Phát triển công trình khí sinh học trong chăn nuôi; các mô hình mới tái sử dụng chất thải trong nông nghiệp	Sở NN&PTNT	UBND các thành phố	Hàng năm	Đánh giá tiềm năng của các mô hình mới	Nhân rộng mô hình
			Mở rộng diện tích vườn Dừa hữu cơ; phát triển các vùng sản xuất hữu cơ mới	Sở NN&PTNT	UBND các thành phố	2025	Thực hiện đánh giá hiệu quả; tiếp tục phát triển	Tiếp tục phát triển
			Bảo vệ, trồng và phát triển rừng ven biển tỉnh Bến Tre	Sở NN&PTNT	UBND huyện Ba Tri, Bình Đại, Thạnh	Hàng năm	Tỷ lệ che phủ rừng đạt 1,98% diện	Tiếp tục bảo vệ rừng

TT	Nhiệm vụ thuộc Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016	Loại nhiệm vụ	Cụ thể nhiệm vụ, dự án, hoạt động phù hợp của tỉnh Bến Tre	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
					Phú		tích tự nhiên của tỉnh	
1.5	Thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành xây dựng nhằm thực hiện NDC phù hợp với điều kiện quốc gia	Bắt buộc (theo quy định thỏa thuận Paris)	Xây dựng Chương trình triển khai theo Trung ương	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thành phố	2025, 2030	Thực hiện các giải pháp, theo quy định	Thực hiện các giải pháp, theo quy định
1.6	Thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện quốc gia	Khuyến khích thực hiện (để tận dụng cơ hội Thỏa thuận Paris mang lại)	Triển khai các giải pháp khuyến khích hộ gia đình, công ty, doanh nghiệp sử dụng năng lượng tái tạo	Sở Công thương	Các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	Triển khai thực hiện; đánh giá hiệu quả	Tiếp tục thực hiện
			Tiếp tục phát triển điện gió, điện khí khu vực ven biển	Sở Công thương	UBND huyện Ba Tri, Bình Đại, Thạnh Phú	Hàng năm	Phát triển theo Quy hoạch	Phát triển theo Quy hoạch
			Phát triển mạng lưới điện năng lượng mặt trời chiếu sáng công cộng, đô thị, thành phố Bến Tre; các vùng nông thôn	UBND các huyện, thành phố	Sở Công thương	Hàng năm	Triển khai thực hiện; đánh giá hiệu quả	Tiếp tục thực hiện
			Triển khai các mô hình phân loại, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt có ứng	Sở TNMT	Sở Xây dựng; UBND các huyện, thành phố	2023	Triển khai thực hiện; đánh giá hiệu	Tiếp tục thực hiện

TT	Nhiệm vụ thuộc Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016	Loại nhiệm vụ	Cụ thể nhiệm vụ, dự án, hoạt động phù hợp của tỉnh Bến Tre	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
			dụng công nghệ tiên tiến, gắn với phát triển nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; không đốt rác thải nhựa phát thải khí gây hại môi trường.		phổ		quả nhân rộng	
II THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU								
2.1	Hiện đại hóa hệ thống quan trắc và dự báo khí tượng thủy văn đảm bảo dự báo, cảnh báo sớm các hiện tượng thời tiết	<i>Ưu tiên tiếp tục thực hiện</i> (Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu và đóng góp về thích ứng trong NDC)	Duy trì, vận hành hệ thống quan trắc, dự báo độ mặn và giám sát chất lượng nước tự động tỉnh Bến Tre	Sở TNMT	Các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố; Đài KTTV Bến Tre	Hàng năm	Vận hành hệ thống; kết nối với các hệ thống quan trắc mặn tự động các cống	Tiếp tục vận hành, nâng cấp hệ thống
			Phát triển, hiện đại hóa hệ thống khí tượng thủy văn tỉnh Bến Tre	Đài KTTV Bến Tre	Sở TN&MT; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	Thực hiện	Tiếp tục vận hành, nâng cấp hệ thống
2.2	Xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch dân cư, cơ sở hạ tầng dựa trên kịch bản biến đổi khí hậu chú ý đến các ngành, lĩnh vực trọng điểm	<i>Ưu tiên tiếp tục thực hiện</i> (Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu và đóng góp về thích ứng trong NDC)	Lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đô thị, cơ sở hạ tầng có tính đến yếu tố biến đổi khí hậu và nước biển dâng (Quy hoạch phát triển tỉnh Bến Tre 2021 - 2030); Đề án Khu đô thị lấn biển; Kế hoạch phát triển kinh tế xã	Sở Kế và Đầu tư	Sở Xây dựng; Sở TN&MT; UBND các huyện, thành phố	2021; 2026	Thực hiện lồng ghép	Thực hiện lồng ghép

TT	Nhiệm vụ thuộc Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016	Loại nhiệm vụ	Cụ thể nhiệm vụ, dự án, hoạt động phù hợp của tỉnh Bến Tre	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
			hội 05 năm cấp tỉnh; huyện,...)					
2.3	Triển khai các phương án và giải pháp, công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách nhằm bảo vệ đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng an ninh và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn; di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của bão, nước dâng do bão, lũ lụt, xói lở bờ sông, bờ biển hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (Luật Phòng chống thiên tai; Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu và đóng góp về thích ứng trong NDC)	Củng cố, xây dựng các công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách	Sở NNPTNT	UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	Đầu tư một số công trình trọng điểm; Duy trì thực hiện theo thực tế thiên tai tác động	Duy trì thực hiện theo thực tế thiên tai tác động
			Xây dựng bản đồ hiện trạng và nguy cơ triều cường sạt lở ven sông, bờ biển	Sở NNPTNT	UBND các huyện, thành phố Bến Tre	Năm 2022	Công bố bản đồ, Phương án phòng chống sạt lở, triều cường	Tiếp tục thực hiện, cập nhật phương án
			Triển khai, theo dõi thực hiện kế hoạch phòng chống hạn mặn tỉnh Bến Tre năm 2021 - 2025	Sở NNPTNT	UBND các huyện, thành phố Bến Tre; các sở, ngành liên quan	Năm 2025	Triển khai thực hiện; tổng kết đánh giá	Xây dựng Kế hoạch, triển khai thực hiện
2.4	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông; bảo đảm an toàn hồ chứa; tăng cường hợp tác	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (Luật Tài nguyên nước; Chiến lược	Lập danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ tỉnh Bến Tre	Sở TN&MT	Sở NN&PTNT; UBND các huyện, thành phố	Năm 2022	Phê duyệt, ban hành danh mục các nguồn nước; Triển khai	Hoàn thành cắm mốc bảo vệ nguồn nước

TT	Nhiệm vụ thuộc Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016	Loại nhiệm vụ	Cụ thể nhiệm vụ, dự án, hoạt động phù hợp của tỉnh Bến Tre	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
	quốc tế giải quyết các vấn đề nước xuyên biên giới; đảm bảo an ninh nguồn nước	quốc gia về biến đổi khí hậu và đóng góp về thích ứng trong NDC)	Vận hành các hồ chứa nước ngọt, các cống ngăn mặn trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Sở NN&PTNT	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi; UBND huyện, thành phố	Hàng năm	Cắm mốc bảo vệ	Tiếp tục thực hiện
			Đánh giá hiện trạng và đề xuất quản lý tổng hợp môi trường hồ chứa nước ngọt sông Ba Lai tỉnh Bến Tre trong điều kiện biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn	Sở TN&MT	Sở NN&PTNT; UBND các huyện Châu Thành, Ba Tri, Bình Đại	2022	Hoàn thành đánh giá; Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể quản lý tổng hợp môi trường	Tiếp tục thực hiện
			Triển khai các dự án trồng và phục hồi rừng ven biển; trồng rừng khu vực cửa sông Ba Lai	Sở NN&PTNT	UBND các huyện Ba Tri, Bình Đại, Thạnh Phú	Hàng năm	Thực hiện các dự án	Duy trì, bảo vệ, mở rộng diện tích rừng
2.5	Quản lý rừng bền vững ngăn chặn mất rừng và suy thoái rừng; trồng, bảo vệ, phục hồi rừng, chú trọng phát triển rừng trồng gỗ lớn, rừng ven biển	<i>Ưu tiên tiếp tục thực hiện</i> (Luật Lâm nghiệp, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu và đóng góp về thích ứng trong NDC)	Phát triển mô hình canh tác, sinh kế cộng đồng dựa vào rừng theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu đã thực hiện hiệu quả của giai đoạn 2016 - 2020	Sở NN&PTNT	UBND các huyện Ba Tri, Bình Đại, Thạnh Phú	Năm 2022	Phát triển, nhân rộng	Phát triển, nhân rộng

TT	Nhiệm vụ thuộc Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016	Loại nhiệm vụ	Cụ thể nhiệm vụ, dự án, hoạt động phù hợp của tỉnh Bến Tre	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
2.6	Đảm bảo an ninh lương thực thông qua bảo vệ, duy trì hợp lý và quản lý bền vững quỹ đất cho nông nghiệp; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; tạo giống mới thích ứng với BĐKH; hoàn thiện hệ thống kiểm soát, phòng chống dịch bệnh	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu và đóng góp về thích ứng trong NDC)	Nghiên cứu, điều chỉnh, xác định cơ cấu cây trồng, mùa vụ thích ứng biến đổi khí hậu	Sở NN&PTNT	UBND các huyện	Năm 2023	Thực hiện điều chỉnh cơ cấu cây trồng, mùa vụ phù hợp	Áp dụng cho canh tác nông nghiệp
			Tăng cường các hoạt động kiểm soát dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, cải tiến các dịch vụ thú y để phát triển chăn nuôi bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở NN&PTNT	UBND các huyện	Hàng năm	Triển khai bước đầu các hoạt động kiểm soát dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, cải tiến các dịch vụ thú y	Tiếp tục triển khai
2.7	Rà soát, điều chỉnh và phát triển sinh kế và quá trình sản xuất phù hợp với điều kiện BĐKH gắn với xóa đói giảm nghèo, công bằng xã hội	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu và đóng góp về thích ứng trong NDC)	Thực hiện mô hình an sinh xã hội, giảm nghèo thích ứng với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn	Sở LĐTB&XH	Hội Phụ nữ; UBND các huyện	Hàng năm	Thực hiện hàng năm	Thực hiện hàng năm
2.8	Thực hiện lồng ghép thích ứng với BĐKH dựa vào hệ sinh thái và cộng đồng, thông qua	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (Chiến lược quốc gia về biến đổi khí	Đánh giá hiện trạng và đề xuất nhiệm vụ bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 - 2030 định hướng 2050	Sở TN&MT	Sở NN&PTNT, UBND các huyện, thành phố và các đơn	Năm 2022	Ban hành kế hoạch hành động bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Bến	Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, dự án của kế

TT	Nhiệm vụ thuộc Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016	Loại nhiệm vụ	Cụ thể nhiệm vụ, dự án, hoạt động phù hợp của tỉnh Bến Tre	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
2.9	phát triển dịch vụ hệ sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng kiến thức bản địa, ưu tiên cộng đồng dễ bị tổn thương nhất	hậu và đóng góp về thích ứng trong NDC)	Thành lập thí điểm Khu bảo tồn đa dạng sinh học phục vụ phát triển bền vững du lịch sinh thái và Trung tâm tri thức về phát triển du lịch sinh thái tại Đồng bằng sông Mê Công	Sở TNMT, NNPTNT, VH TTDL	UBND các huyện, thành phố Bến Tre	Năm 2026	Thực hiện báo cáo nghiên cứu khả thi; Triển khai dự án	Nhân rộng kết quả dự án
			Thực hiện Tiểu dự án thành phố Bến Tre thuộc dự án Mở rộng nâng cấp đô thị	UBND thành phố Bến Tre	Sở Xây dựng	Năm 2022	Hoàn thành xây dựng các công trình	Tiếp tục nâng cấp phát triển đô thị
			Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải đô thị thành phố Bến Tre, khu vực bờ Bắc sông Bến Tre	UBND thành phố Bến Tre	Sở Xây dựng; Sở KH&ĐT	Năm 2025	Xây dựng công trình	Vận hành hệ thống
	Chống ngập cho các thành phố ven biển; xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị chống chịu với tác động của biến đổi khí hậu; củng cố xây dựng các công trình cấp, thoát nước đô thị lớn	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu và đóng góp về thích ứng trong NDC)	Đầu tư các khu xử lý nước thải tập trung tại 03 huyện Bình Đại, Ba Tri và Mỏ Cày Nam	Đơn vị được giao chủ đầu tư	Sở Xây dựng; Sở KH&ĐT và các đơn vị liên quan	2030	Năm 2022, Sở Xây dựng trình xin chủ trương đầu tư. Năm 2023-2025, Cơ quan được giao	Tiếp tục triển khai và hoàn thành công trình đưa vào sử dụng

TT	Nhiệm vụ thuộc Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016	Loại nhiệm vụ	Cụ thể nhiệm vụ, dự án, hoạt động phù hợp của tỉnh Bến Tre	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
							nhiệm vụ Chủ đầu tư sẽ tiếp tục triển khai quy trình đầu tư xây dựng	
2.10	Củng cố, nâng cấp và hoàn thiện các tuyến đê biển, đề sông xung yếu; kiểm soát xâm nhập mặn các vùng bị ảnh hưởng nặng nề nhất	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (Luật Phòng chống thiên tai; Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu và đóng góp về thích ứng trong NDC)	Đánh giá sức chịu tải của hệ thống thủy lợi tỉnh Bến Tre trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn	Sở KHCN; Sở NNPTNT	Sở NNPTNT (đặt hàng nhiệm vụ khoa học công nghệ)	Năm 2023	Từ năm 2023 thực hiện củng cố; phát triển hệ thống	Tiếp tục thực hiện
III GIẢI PHÁP THỰC HIỆN								
	Nguồn lực con người							
	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức thực hiện Thỏa thuận	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (Chiến lược quốc gia về	Lồng ghép thông tin, truyền thông về thực hiện Thỏa thuận Paris; NDC cập nhật của Việt Nam vào các bản tin, trang thông tin truyền thông; các lớp tập huấn, bản tin truyền	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Sở TT&TT; Sở TN&MT	Hàng năm	Duy trì thực hiện, cập nhật thông tin mới	Duy trì thực hiện, cập nhật thông tin mới

TT	Nhiệm vụ thuộc Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016	Loại nhiệm vụ	Cụ thể nhiệm vụ, dự án, hoạt động phù hợp của tỉnh Bến Tre	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
3.1	Paris ở Việt Nam	biến đổi khí hậu)	hình,...để phổ biến rộng rãi thông tin đến nhân dân, hệ thống các cơ quan					
			Cán bộ phụ trách, kiêm nhiệm được tham gia các lớp tập huấn; đào tạo; hội nghị của Trung ương, Tổ chức Quốc tế về biến đổi khí hậu	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Sở TN&MT; Sở Nội vụ	Hàng năm	Tham gia các hoạt động trong và ngoài tỉnh	Tham gia các hoạt động trong và ngoài tỉnh
			Lồng ghép đào tạo nguồn nhân lực cho công tác ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển bền vững vào các chương trình phát triển nhân lực tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2022	Thực hiện pháp phát triển nguồn nhân lực	Thực hiện pháp phát triển nguồn nhân lực
	Nguồn lực khoa học công nghệ							
3.2	Đánh giá nhu cầu công nghệ giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng biến đổi khí hậu phù hợp với điều kiện Việt Nam	Ưu tiên thực hiện (Để có tổng quan về nhu cầu công nghệ ứng phó biến đổi khí hậu)	Đánh giá hiện và đề xuất phát triển công nghệ thích ứng, giảm phát thải khí nhà kính tỉnh Bến Tre	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2022	Báo cáo kết quả; đề xuất và Chương trình phát triển; khai thực hiện	Tiếp tục thực hiện
3.3	Rà soát, đề xuất các cơ chế chính sách	Ưu tiên thực hiện	Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng tham gia thị trường,	Sở KHCN	Các sở, ngành; UBND các	Năm 2023	Báo cáo kết quả thực	Triển khai thực hiện

TT	Nhiệm vụ thuộc Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016	Loại nhiệm vụ	Cụ thể nhiệm vụ, dự án, hoạt động phù hợp của tỉnh Bến Tre	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
	khuyến khích nghiên cứu, chuyển giao công nghệ về biến đổi khí hậu; củng cố các cơ quan nghiên cứu về biến đổi khí hậu đầu ngành; tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, trao đổi công nghệ.		tín chỉ carbon của tỉnh Bến Tre		huyện, thành phố		hiện; đề xuất phát triển	
	Nguồn lực tài chính							
3.4	Đề xuất danh mục các dự án ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh ưu tiên thực hiện cam kết trong NDC, có khả năng huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế, chủ trọng các dự án năng lượng tái tạo huy động nguồn lực từ khối tư nhân, nguồn lực quốc tế	<i>Ưu tiên thực hiện</i> (huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước)	Xây dựng danh mục các dự án kêu gọi hợp tác thực hiện Thỏa thuận Paris tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 - 2025	Sở KHĐT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2021; cập nhật hàng năm	Thực hiện Chương trình xúc tiến kêu gọi hợp tác	Rà soát, cập nhật danh mục các dự án

TT	Nhiệm vụ thuộc Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016	Loại nhiệm vụ	Cụ thể nhiệm vụ, dự án, hoạt động phù hợp của tỉnh Bến Tre	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
	Thế chế, chính sách							
3.5	Tiếp tục triển khai lồng ghép vấn đề biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh vào các kế hoạch, quy hoạch, chương trình ưu tiên đầu tư phát triển	Bắt buộc (Theo Thỏa thuận Paris và Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu)	Thực hiện lồng ghép vấn đề biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh vào các kế hoạch, quy hoạch, chương trình ưu tiên đầu tư phát triển của tỉnh Bến Tre	Sở KH&ĐT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2022	Thực hiện kế hoạch, quy hoạch, chương trình	Cập nhật; Thực hiện kế hoạch, quy hoạch, chương trình
3.6	Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu đảm bảo mỗi bộ ngành, địa phương đều có đầu mối xử lý các vấn đề biến đổi khí hậu	Bắt buộc (Theo Thỏa thuận Paris và công tác ứng phó biến đổi khí hậu)	Duy trì hoạt động của Ban chỉ đạo và Tổ giúp Ban Chỉ đạo ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Bến Tre; bộ phận chuyên môn công tác ứng phó biến đổi khí hậu cấp tỉnh, huyện	Sở Nội vụ Sở TN&MT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	Thực hiện Quy chế Ban Chỉ đạo; quy định tổ chức bộ máy của Trung ương	Kiểm toàn; rà soát điều chỉnh; thực hiện phù hợp giai đoạn mới
3.7	Tăng cường điều phối, giải quyết các vấn đề liên vùng, liên ngành trong ứng phó biến đổi khí hậu	Ưu tiên thực hiện	Thực hiện các nhiệm vụ liên kết vùng thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng biến đổi khí hậu	Sở KH&ĐT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	Triển khai Kế hoạch của tỉnh thực hiện Nghị số 120/NQ-CP của Chính phủ	Đánh giá; xây dựng triển khai kế hoạch giai đoạn mới
3.8	Tăng cường đàm phán quốc tế xây dựng hướng dẫn	Ưu tiên thực hiện	Xây dựng Chương trình duy trì quan hệ, xúc tiếp hợp tác quốc tế về biến đổi	Sở KH&ĐT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện,	Năm 2021	Phê duyệt, triển khai Chương trình	Cập nhật mới; tiếp tục thực

TT	Nhiệm vụ thuộc Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016	Loại nhiệm vụ	Cụ thể nhiệm vụ, dự án, hoạt động phù hợp của tỉnh Bến Tre	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
	thực hiện Thỏa thuận Paris bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của quốc gia; huy động các nguồn lực quốc tế ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao vị thế của Việt Nam		khí hậu tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 - 2025		thành phố			hiện